

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ VÀ THỊ TRƯỜNG
LIÊN NGÂN HÀNG (Tuần từ 02-06.02.2026)

1. Thị trường ngoại tệ và tỷ giá

Ngày 02/02, tỷ giá mua, bán USD/VND niêm yết cuối ngày trên website của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ở mức 25.820/26.180 VND/USD, tăng 70 VND/USD so với tỷ giá cuối ngày làm việc cuối tuần trước đó (ngày 30/01). Cuối ngày 06/02, tỷ giá niêm yết ở mức 25.760/26.140 VND/USD, giảm tương ứng 60/40 VND/USD so với tỷ giá ngày 02/02.

2. Hoạt động của thị trường liên ngân hàng

2.1. Về doanh số giao dịch

Theo báo cáo của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài qua hệ thống báo cáo thống kê, doanh số giao dịch trên thị trường liên ngân hàng trong tuần bằng VND đạt xấp xỉ 4.586.930 tỷ đồng, bình quân 917.386 tỷ đồng/ngày, giảm 59.188 tỷ đồng/ngày so với tuần trước; doanh số giao dịch bằng USD quy đổi ra VND trong tuần đạt khoảng 756.828 tỷ đồng, bình quân 151.366 tỷ đồng/ngày, giảm 12.090 tỷ đồng/ngày so với tuần trước đó.

Theo kỳ hạn, các giao dịch VND chủ yếu tập trung vào kỳ hạn qua đêm (97% tổng doanh số giao dịch VND), kỳ hạn 01 tuần (1% tổng doanh số giao dịch VND). Đối với giao dịch USD, các kỳ hạn có doanh số lớn nhất là kỳ hạn qua đêm và 01 tuần với tỷ trọng lần lượt là 89% và 7%.

2.2. Về lãi suất bình quân

- Đối với các giao dịch bằng VND: Lãi suất bình quân có xu hướng tăng mạnh so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất bình quân một số kỳ hạn chủ chốt như kỳ hạn qua đêm, 01 tuần và 01 tháng tăng lần lượt 5,56%/năm; 3,76%/năm và 1,43%/năm lên các mức 10,88%/năm; 9,87%/năm và 8,77%/năm.

- Đối với các giao dịch bằng USD: Lãi suất bình quân có xu hướng ít biến động và biến động trái chiều ở một số kỳ hạn chủ chốt so với tuần trước. Cụ thể, lãi suất bình quân kỳ hạn qua đêm tăng nhẹ 0,01%/năm lên mức 3,60%/năm, trong khi đó lãi suất bình quân kỳ hạn 01 tháng giảm 0,04%/năm xuống mức 3,63%/năm.

Dưới đây là lãi suất bình quân liên ngân hàng của các kỳ hạn chủ chốt trong tuần từ 02 - 06/02/2026:

	Qua đêm	1 tuần	2 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	9 tháng
VND	10,88	9,87	9,17	8,77	8,15	7,64	-
USD	3,60	3,63	-	3,72	3,82	4,10	-